TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do– Hạnh phúc**
Số: 38/2019/QĐST-DS	*Ba Tri, ngày 4 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thị P, sinh năm 1951.

Ông Dương Lam S, sinh năm 1939

Ông Dương Lam S ủy quyền cho bà Hồ Thị P

Cùng địa chỉ: ấp T , xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Ông Đoàn Công M , sinh năm 1968.

Bà Phạm Thị Tuyết M , sinh năm 1960

Ông Đoàn Công M ủy quyền cho bà Phạm Thị Tuyết M

Cùng địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn bà Phạm Thị Tuyết M và ông Đoàn Công M thống nhất còn nợ nguyên đơn ông Dương Lam S và bà Hồ Thị P số tiền vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và thống nhất cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Dương Lam S và bà Hồ Thị P số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Thời gian trả tiền cụ thể như sau:

1/- Ngày 02/7/2019 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);

2/- Ngày 02/8/2019 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
3/- Ngày 02/9/2019 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
4/- Ngày 02/10/2019 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
5/- Ngày 02/11/2019 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
6/- Ngày 02/12/2019 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
7/- Ngày 02/01/2020 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
8/- Ngày 02/02/2020 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
9/- Ngày 02/03/2020 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
10/- Ngày 02/04/2020 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
11/- Ngày 02/05/2020 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
12/- Ngày 02/06/2020 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
13/- Ngày 02/07/2020 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
14/- Ngày 02/08/2020 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
15/ - Ngày 02/09/2020 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
16/- Ngày 02/10/2020 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
17/- Ngày 02/11/2020 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
18/- Ngày 02/12/2020 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
19/- Ngày 02/01/2021 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
20/- Ngày 02/02/2021 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
21/- Ngày 02/03/2021 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
22/- Ngày 02/04/2021 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
23/- Ngày 02/05/2021 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
24/- Ngày 02/06/2021 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
25/- Ngày 02/07/2021 trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do hòa giải thành được giảm 50% là: (100.000.000đ x 2,5%) = 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) nguyên đơn Dương Lam S, Hồ Thị P và bị đơn Phạm Thị Tuyết M, Đoàn Công M đồng ý nộp theo quy định pháp luật, mỗi bên nộp án phí là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)

Nguyên đơn Dương Lam S, Hồ Thị P thuộc đối tượng người cao tuổi, hoàn cảnh khó khăn nên được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí.

Bị đơn Phạm Thị Tuyết M và Đoàn Công M phải nộp số tiền án phí là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi Cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đặng Mộng Tuyền